

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Growth beyond boundaries

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 08/09/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng), tương đương 28.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:

- Ông Trịnh Văn Nhật
- Ông Nguyễn Hồng Phong
- Bà Lê Thị Tình
- Ông Ngô Ngọc Đĩnh
- Bà Dư Thị Vân
- Ông Bùi Văn Thụy
- Ông Vũ Văn Minh

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/05/2026)
- Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/05/2026)
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)
- Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên:

- Bà Dư Thị Vân
- Ông Chu Văn Lý
- Ông Trịnh Văn Nhật
- Ông Nguyễn Hồng Phong

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

- Bà Vũ Thị Khánh Linh
- Bà Nguyễn Thị Minh Huệ
- Bà Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ:

- Trưởng ban Kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên

3. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này là Bà Dư Thị Vân - Tổng Giám đốc Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG được bổ nhiệm là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép và lưu trữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ các quy định của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển hợp nhất tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THỊ VÂN



Số: 24 /2026/BCSX/TTG.KD9

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/08/2026, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được trình bày từ trang 07 đến trang 32.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2026, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho do Công ty không thực hiện kiểm kê tại ngày 30/06/2026. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản mục nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và giá trị của khoản mục hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị lần lượt là 114.927.396.045 VND và 116.139.146.969 VND. Đồng thời Chúng tôi không thể xác định được số dư phòng của khoản mục hàng tồn kho cần trích lập tại thời điểm 01/01/2026 và 30/06/2026 (nếu có).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC (Công ty con) không phát sinh hoạt động kinh doanh và ghi nhận khoản lỗ 302.257.099 VND. Tại ngày 30/06/2026 và ngày 31/12/2025, Công ty con có số lỗ lũy kế lần lượt là 721.244.026 VND và 418.986.927 VND. Các yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty con.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận ngoại trừ về báo cáo tài chính này vào ngày 29/08/2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này vào ngày 30/03/2026.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN PKF-TTG**



**Nguyễn Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2305-2023-330-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		260.779.564.923	262.174.910.238
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.484.762.867	1.063.695.258
Tiền	111		1.484.762.867	1.063.695.258
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.036.423.246	146.055.171.091
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	13.718.729.072	23.301.853.287
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	129.317.694.174	122.753.317.804
Hàng tồn kho	140	5.5	116.139.146.969	114.927.396.045
Hàng tồn kho	141		116.139.146.969	114.927.396.045
Tài sản ngắn hạn khác	160		119.231.841	128.647.844
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.3	4.880.000	17.496.003
Thuế GTGT được khấu trừ	162		114.302.400	111.102.400
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.12	49.441	49.441
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.417.489.563	84.957.375.368
Tài sản cố định	220		26.419.711.856	27.723.836.180
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	17.579.954.582	18.832.071.296
- Nguyên giá	222		35.440.647.047	35.440.647.047
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.860.692.465)	(16.608.575.751)
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.839.757.274	8.891.764.884
- Nguyên giá	228		9.661.500.000	9.661.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(821.742.726)	(769.735.116)
Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.6	56.775.915.478	57.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	263		57.000.000.000	57.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264		(224.084.522)	-
Tài sản dài hạn khác	270		221.862.229	233.539.188
Lợi thế thương mại	279		221.862.229	233.539.188
TỔNG TÀI SẢN	280		344.197.054.486	347.132.285.606

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.797.970.199	4.495.331.551
Nợ ngắn hạn	310		2.606.386.269	4.424.932.513
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	342.368.580	2.918.331.538
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69.156.285	19.888.522
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	75.188.045	293.108.833
Phải trả người lao động	315		38.940.423	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.10	464.444.454	520.000.012
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.11	173.133.044	84.340.744
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.443.155.438	589.262.864
Nợ dài hạn	330		191.583.930	70.399.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	342		191.583.930	70.399.038
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		341.399.084.287	342.636.954.055
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	341.399.084.287	342.636.954.055
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		721.577.719	294.631.432
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.730.829.217	21.347.314.362
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		20.066.475.501	23.899.894.635
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(335.646.284)	(2.552.580.273)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.976.677.351	41.025.008.261
TỔNG NGUỒN VỐN	440		344.197.054.486	347.132.285.606

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hồng Phong

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Dư Thị Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	60.850.441.935	102.771.396.520
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.850.441.935	102.771.396.520
Giá vốn hàng bán	11	6.2	59.254.728.029	100.933.091.860
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.595.713.906	1.838.304.660
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	37.490	150.038.270
Chi phí tài chính	23	6.4	224.084.522	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.046.773.551	1.728.283.764
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	535.569.288	1.355.930.948
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	(1.248.594)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(210.675.965)	(1.097.120.376)
Thu nhập khác	31		-	125.600
Chi phí khác	32	6.6	52.116.337	8.603.040
Lợi nhuận khác	40		(52.116.337)	(8.477.440)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(262.792.302)	(1.105.597.816)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		121.184.892	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(383.977.194)	(1.105.597.816)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(335.646.284)	(1.093.612.821)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(48.330.910)	(11.984.995)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	(12)	(39)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Phong

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đỗ Thị Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(262.792.302)	(1.105.597.816)
Điều chỉnh cho các khoản			-	
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.304.124.324	2.942.322.188
Các khoản dự phòng	03		224.084.522	
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(37.490)	(148.789.676)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.265.379.054	1.687.934.696
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.015.547.845	(17.923.962.615)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.211.750.924)	(53.231.634)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.672.438.818)	(237.718.969)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		24.292.962	(21.896.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		421.030.119	(16.548.874.523)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.540.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.490	150.038.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.490	16.690.038.270
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		421.067.609	141.163.747
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.063.695.258	4.106.250.763
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	1.484.762.867	4.247.414.510

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hồng Phong

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đỗ Thị Vân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 08/09/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng), tương đương 28.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DVG từ ngày 19/03/2020.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất sơn xây dựng; Sản xuất bột bả matist, véc ni và các chất sơn quét tương tự;
- Bán buôn vật liệu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thay đổi về chính sách kế toán được thực hiện nhằm phản ánh phù hợp hơn bản chất của các giao dịch và sự kiện kinh tế, không làm thay đổi đáng kể tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2026.

1.7. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có công ty con và các đơn vị hạch toán phụ thuộc, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC	Quảng Trị	84,01 %	84,01 %	Nông lâm nghiệp
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
1	Công ty CP Newton Quốc tế	Hà Nội	15,96%	19,00%	Sản xuất và Kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng

Các đơn vị trực thuộc

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hải Phòng	Xóm 5, Phường Lưu Kiếm, Hải Phòng
2	Địa điểm kinh doanh Thanh Hoá	QL1A, Xã Hoàng Phú, Thanh Hoá

Số lượng người lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 8 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN VÀ GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất*****Phạm vi hợp nhất và quyền kiểm soát***

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con).

Công ty được coi là có quyền kiểm soát đối với một doanh nghiệp khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp. Quyền kiểm soát thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên một nửa quyền biểu quyết của doanh nghiệp được đầu tư. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Nhóm Công ty/Tập đoàn cũng xem xét sự tồn tại và tính hữu hiệu của các quyền biểu quyết tiềm tàng hiện đang có thể thực hiện hoặc chuyển đổi.

Kỳ lập báo cáo và chính sách kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ, kể cả các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Công ty, được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.2. Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2.3. Giả định cơ sở hoạt động liên tục

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC (Công ty con) không phát sinh hoạt động kinh doanh và ghi nhận khoản lỗ 302.257.099 VND. Tại ngày 30/06/2026 và ngày 31/12/2025, Công ty con có số lỗ lũy kế lần lượt là 721.244.026 VND và 418.986.927 VND.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới có hiệu quả, đồng thời thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính nhằm cải thiện tình hình hoạt động và tài chính của Công ty con. Mặc dù Công ty con chưa phát sinh hoạt động kinh doanh trong kỳ và đang có lỗ lũy kế, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty vẫn có khả năng tiếp tục hoạt động và đang thực hiện các kế hoạch cần thiết để duy trì hoạt động trong tương lai.

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố nêu trên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty con có đủ khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai gần và không có ý định hoặc yêu cầu phải ngừng hoạt động hay thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động. Do đó, Báo cáo tài chính công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất; Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT; Các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính; Và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là các chính sách kế toán quan trọng được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con;

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm với việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Trường hợp Công ty giải thể công ty con và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty con vào Công ty (Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty con), Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị giải thể vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

4.7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, và chủ yếu là chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ, bao bì chuyển đổi, và các khoản chi phí chờ phân bổ dài hạn và ngắn hạn khác. Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí tương ứng với khả năng tạo ra lợi ích kinh tế từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.8. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành/ thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá tái phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

4.12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.13. Thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 8%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ kế toán và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ kế toán là chi phí thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, đồng thời xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi bán hàng trả chậm.... Tiền lãi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi chênh lệch tỷ giá và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu (Trường hợp Công ty cổ phần) chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí hoạt động tài chính khác không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ kế toán.

4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

4.19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất, kinh doanh sơn xây dựng, bột bả matist và các vật liệu xây dựng khác. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Thành phố Hà Nội). Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

4.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Tiền mặt	1.482.647.546	1.040.768.027
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.115.321	22.927.231
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	754.625	1.283.561
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	266.040	833.075
+ Các ngân hàng khác	1.094.656	20.810.595
Cộng	1.484.762.867	1.063.695.258

5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	6.587.404.008	1.895.779.637
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Đại Việt	29.907.000.000	29.907.000.000
- Công ty TNHH My Dream	1.928.463.999	-
- Bà Dương Bích Ngọc	23.398.990.000	23.398.990.000
- Bà Lê Thị Tinh	31.565.850.000	31.565.850.000
- Bà Lê Thị Trang	19.074.500.000	19.074.500.000
- Ông Lê Xuân Tại	12.564.110.000	12.564.110.000
- Các khoản trả trước khác	4.291.376.167	4.347.088.167
Cộng	129.317.694.174	122.753.317.804

5.3. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.880.000	13.496.000
- Phí bảo trì phần mềm	-	4.000.003
Cộng	4.880.000	17.496.003

Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội,
Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
- Công ty Cổ phần Hưng Đại Nam	3.718.003.040	-	5.718.003.040	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sendai	3.505.428.751	-	2.489.917.199	-
- Công ty Cổ phần Newton Quốc tế	39.243.374	-	1.970.652.205	-
- Công ty Cổ phần Viettin Group	3.560.599.887	-	3.513.485.126	-
- Công ty Cổ phần Sudo Việt Nam	-	-	1.341.891.437	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Triều Sơn	172.403.923	-	2.877.083.853	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.723.050.097	-	5.390.820.427	-
Cộng	13.718.729.072	-	23.301.853.287	-

5.5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
- Nguyên liệu, vật liệu	38.016.017.881	-	36.845.496.418	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.690.778.526	-	76.690.778.526	-
- Thành phẩm	43.570.562	-	2.341.101	-
- Hàng hóa	1.388.780.000	-	1.388.780.000	-
Cộng	116.139.146.969	-	114.927.396.045	-

Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bãi, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội, (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.6. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
- Đầu tư vào đơn vị khác	57.000.000.000	(224.084.522)	(*)	57.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Newton Quốc tế (*)	57.000.000.000	(224.084.522)	(*)	57.000.000.000
Cộng	57.000.000.000	(224.084.522)	(*)	57.000.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể việc xác định

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

TT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
1	Công ty Cổ phần Newton Quốc tế	Hà Nội	15,96%	19,00%	Sản xuất và kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng

Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bối, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội, (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	3.197.882.000	30.016.495.956	2.226.269.091	35.440.647.047
Số dư cuối kỳ	3.197.882.000	30.016.495.956	2.226.269.091	35.440.647.047
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	(1.221.719.845)	(13.160.586.815)	(2.226.269.091)	(16.608.575.751)
- Khấu hao trong kỳ	(89.908.092)	(1.162.208.622)	-	(1.252.116.714)
Số dư cuối kỳ	(1.311.627.937)	(14.322.795.437)	(2.226.269.091)	(17.860.692.465)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	1.976.162.155	16.855.909.141	-	18.832.071.296
Số dư cuối kỳ	1.886.254.063	15.693.700.519	-	17.579.954.582

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 5 889 365 047 đồng (Tại ngày 31/12/2025 là 5 889 365 047 đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	9.271.500.000	390.000.000	9.661.500.000
Số dư cuối kỳ	<u>9.271.500.000</u>	<u>390.000.000</u>	<u>9.661.500.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	(411.928.664)	(357.806.452)	(769.735.116)
- Hao mòn trong kỳ	(40.007.610)	(12.000.000)	(52.007.610)
Số dư cuối kỳ	<u>(451.936.274)</u>	<u>(369.806.452)</u>	<u>(821.742.726)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	<u>8.859.571.336</u>	<u>32.193.548</u>	<u>8.891.764.884</u>
Số dư cuối kỳ	<u>8.819.563.726</u>	<u>20.193.548</u>	<u>8.839.757.274</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 270.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2025 là 270.000.000 đồng).

5.9. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Công ty TNHH My.Dream	-	2.888.745.121
- Công ty Cổ phần Candy Quốc tế	297.916.640	
- Các đối tượng khác	44.451.940	29.586.417
Cộng	<u>342.368.580</u>	<u>2.918.331.538</u>

5.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Trích trước chi phí thuê máy pha màu	420.000.000	420.000.000
- Chi phí kiểm toán	-	100.000.012
- Chi phí phải trả khác	44.444.454	-
Cộng	<u>464.444.454</u>	<u>520.000.012</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.11. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Kinh phí công đoàn	23.175.000	15.291.500
- Bảo hiểm xã hội	130.046.577	61.690.785
- Bảo hiểm y tế	11.362.950	2.704.500
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.156.400	1.202.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.392.117	3.451.959
Cộng	173.133.044	84.340.744

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG

Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội, (Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.12. Thuế và các khoản phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	261.223.693	43.302.906	261.223.694	43.302.905
- Thuế tài nguyên	31.885.140	-	-	31.885.140
Cộng	293.108.833	43.302.906	261.223.694	75.188.045

Số đầu kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số cuối kỳ
VND	VND	VND	VND

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.441	-	-	49.441
Cộng	49.441	-	-	49.441

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG

Mẫu số B 09 – DN/HN

Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bãi, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội,
Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	280.000.000.000	(30.000.000)	294.631.432	23.899.894.635	9.327.345.429	313.491.871.496
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(2.552.580.273)	(15.680.745)	(2.568.261.018)
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	41.025.008.261	41.025.008.261
- Giảm khác	-	-	-	-	(9.311.664.684)	(9.311.664.684)
+ Thanh lý các công ty con	-	-	-	-	(9.311.664.684)	(9.311.664.684)
Số cuối năm trước	280.000.000.000	(30.000.000)	294.631.432	21.347.314.362	41.025.008.261	342.636.954.055
Số đầu kỳ	280.000.000.000	(30.000.000)	294.631.432	21.347.314.362	41.025.008.261	342.636.954.055
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(335.646.284)	(48.330.910)	(383.977.194)
- Phân phối lợi nhuận năm 2025 (*)	-	-	426.946.287	(1.280.838.861)	-	(853.892.574)
+ Trích quỹ Khen thưởng	-	-	-	(426.946.287)	-	(426.946.287)
+ Trích quỹ Phúc lợi	-	-	-	(426.946.287)	-	(426.946.287)
+ Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	426.946.287	(426.946.287)	-	-
Số cuối kỳ	280.000.000.000	(30.000.000)	721.577.719	19.730.829.217	40.976.677.351	341.399.084.287

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ/DVG ngày 28/05/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
- Bà Trần Thị Trinh	28.210.000.000	28.210.000.000
- Các cổ đông khác	251.790.000.000	251.790.000.000
Cộng	280.000.000.000	280.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	280.000.000.000	280.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (CP)	Số đầu kỳ (CP)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.000.000	28.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP): 10.000 VNĐ/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	54 233 909 935	95 600 798 520
- Doanh thu bán thành phẩm	6 616 532 000	6 780 598 000
- Doanh thu cho thuê	-	390 000 000
Cộng	60.850.441.935	102.771.396.520

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	54 862 798 437	95 040 096 325
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	4 391 929 592	5 344 577 095
- Giá vốn hoạt động cho thuê	-	548 418 440
Cộng	59.254.728.029	100.933.091.860

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.490	150 038 270
Cộng	37.490	150.038.270

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Dự phòng tổn thất đầu tư	224 084 522	-
Cộng	224.084.522	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	535.569.288	1.355.930.948
- Chi phí nhân viên quản lý	126 674 000	258 387 801
- Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	26 212 962	48 986 465
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	97 904 790	302 449 812
- Thuế, phí và lệ phí	-	13 000 000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	204 389 056	610 012 509
- Chi phí bằng tiền khác	80 388 480	123 094 361
b. Các khoản chi phí bán hàng	1.046.773.551	1.728.283.764
- Chi phí nhân viên	112 263 615	282 128 358
- Chi phí khấu hao TSCĐ	934 509 936	1 446 155 406
Cộng	1.582.342.839	3.084.214.712

6.6. Chi phí khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí khác	52.116.337	8 603 040
Cộng	52.116.337	8.603.040

6.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(335 646 284)	(1 093 612 821)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	28 000 000	28 000 000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(12)	(39)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	3.829.904.203	3.807.791.742
- Chi phí nhân công	373.840.075	814.751.832
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.304.124.324	2.942.322.188
- Thuế, phí và lệ phí	-	13.000.000
- Chi phí dự phòng	253.929.270	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	493.722.231	1.106.082.649
- Chi phí khác bằng tiền	2.256.100	166.276.179
Cộng	6.257.776.203	8.850.224.590

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Bên liên quan	Mối quan hệ		
Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC	Công ty con		
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên/Ban kiểm soát:			
	Chức danh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên	-	30.035.384
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban	-	5.537.692

7.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Phong**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đur Thị Vân**